

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính (lĩnh vực: Điện lực, hoá chất, quản lý cạnh tranh) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương tại Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương; Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới; sửa đổi, bổ sung một số danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thay thế (lĩnh vực điện; lưu thông hàng hoá trong nước) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 48/TTr-SCT ngày 18 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này gồm các danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính (lĩnh vực: Điện lực, hoá chất, quản lý cạnh tranh) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương, như sau:

1. Công bố 03 danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (lĩnh vực hoá chất).
2. Sửa đổi, bổ sung 14 danh mục thủ tục hành chính, trong đó: 03 danh mục thủ tục hành chính có số thứ tự 09, 10, 11 tại mục I (lĩnh vực điện); 06 danh mục thủ tục hành chính số thứ tự từ 01, 02, 03, 04, 05, 06 tại mục VI (lĩnh vực hoá chất) và 05 danh mục thủ tục hành chính số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05 tại mục XIII (lĩnh vực quản lý cạnh tranh) phần A tại Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.
3. Bãi bỏ 02 danh mục thủ tục hành chính có số thứ tự 12, 13, mục I, phần A (lĩnh vực điện) tại Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

(Có phụ lục I kèm theo).

Điều 2. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương, như sau:

1. Phê duyệt 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của danh mục thủ tục hành chính (lĩnh vực hoá chất) tại khoản 1, Điều 1 của Quyết định này.
2. Sửa đổi, bổ sung 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của 03 danh mục thủ tục hành chính (lĩnh vực điện) tại khoản 2, Điều 1, Quyết định này thay thế các quy trình có số thứ tự 01, 02, 03 mục I, phần C tại Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3. Đối với 11 danh mục thủ tục hành chính (lĩnh vực hóa chất, quản lý cạnh tranh) tại khoản 2, Điều 1 của Quyết định này vẫn thực hiện theo 11 quy trình quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại số 01, 02, 03, 04, 05, 06 mục II và số 01, 02, 03, 04, 05 mục X, phần C tại Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4. Bãi bỏ 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính nội bộ có số thứ tự 12, 13, mục I (lĩnh vực điện), phần C, Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

(Có phụ lục II kèm theo).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, N(10b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (LĨNH VỰC: ĐIỆN LỰC, HOÁ CHẤT, QUẢN LÝ CẠNH TRANH)****THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG***(Ban hành Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)***A . DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (LĨNH VỰC HOÁ CHẤT): 03 TTHC.**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hoá chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Dịch vụ công trực tuyến.	1.200.000 đồng/giấy	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10

		trụ sở chính. 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.				năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 16/02/2023 của Bộ Công Thương về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hoá chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Dịch vụ công trực tuyến.	600.000 đồng/giấy	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi

						tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 16/02/2023 của Bộ Công Thương về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hoá chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính. 12	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Dịch vụ công trực tuyến.	600.000 đồng/giấy	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

		ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.				của Luật Hóa chất; - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 16/02/2023 của Bộ Công Thương về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
--	--	--	--	--	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC, HÓA CHẤT, QUẢN LÝ CẠNH TRANH): 14 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC: 03 TTHC						
1	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	05 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được huấn luyện lần đầu, huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại đạt yêu cầu.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu	Không	- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; - Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội

				chính công ích); - Dịch vụ công trực tuyến.		<i>dung về an toàn điện;</i> - Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện. - Quyết định số 1831/QĐ-BCT ngày 12/9/2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
2	Cấp lại thẻ an toàn điện	05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Công Thương nhận được văn bản đề nghị của người sử dụng lao động có người lao động làm hỏng, làm mất thẻ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Dịch vụ công	Không	- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; - Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện;

				trực tuyến.		<i>-Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.</i> - Quyết định số 1831/QĐ-BCT ngày 12/9/2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
3	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	<i>05 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được huấn luyện lần đầu, huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại đạt yêu cầu hoặc ngày Sở Công Thương nhận được văn bản đề nghị của người sử dụng lao động có người lao động làm mất thẻ.</i>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích).	Không	- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; - <i>Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện;</i> <i>-Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Công</i>

						<i>Thương bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện;</i> - Quyết định số 1831/QĐ-BCT ngày 12/9/2022 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
II. LĨNH VỰC HOÁ CHẤT: 06 TTHC						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Dịch vụ công trực tuyến.	1.200.000 đồng/giấy	- Luật hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số</i>

						113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất. - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
2	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính	600.000 đồng/giấy	- Luật hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

	có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp		tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	(bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến.	của Luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất;</i> - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.
--	---	--	--	---	--

						- Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến.	600.000 đồng/giấy	- Luật hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất;</i> - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày

						28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất. - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau:	1.200.000 đồng/giấy	- Luật hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc

				- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến.		lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất; - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý
--	--	--	--	--	--	--

						của Bộ Công Thương.
5	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến.	600.000 đồng/giấy	- Luật hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất;</i> - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

						Luật hóa chất; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất; - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính. - Dịch vụ công trực tuyến.	600.000 đồng/giấy	- Luật hóa chất năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - <i>Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số</i>

						113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất; - Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoá chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH: 05 TTHC						
1	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	Tổ chức, cá nhân lựa chọn	Không	- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý

	phương	đủ hồ sơ hợp lệ	quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Cổng dịch vụ công trực tuyến.		hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh quốc gia; - Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực cạnh tranh, dịch vụ thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
2	Đăng ký sửa đổi bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh quốc gia; - Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực cạnh tranh, dịch vụ

						thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
3	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - <i>Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh quốc gia;</i> - Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực cạnh tranh, dịch vụ thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
4	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau:	Không	- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - <i>Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh quốc gia;</i>

				- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.		- Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực cạnh tranh, dịch vụ thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
5	Đăng ký hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả nhận kết quả giải quyết) trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Cổng dịch vụ công trực tuyến.	Không	- Luật bảo vệ người tiêu dùng năm 2011; - Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Quyết định số 38/2018/QĐ-TTg ngày 05/9/2018 của thủ tướng Chính phủ sửa đổi số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng chính phủ về sửa đổi,

						bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Quyết định số 25/2019/QĐ-TTg ngày 13/8/2019 của thủ tướng Chính phủ về sửa đổi Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của thủ tướng chính phủ về danh mục hàng hoá, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; - Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu/điều kiện giao dịch chung; - <i>Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ quy định</i>
--	--	--	--	--	--	--

						<i>chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh quốc gia;</i> - Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực cạnh tranh, dịch vụ thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
--	--	--	--	--	--	---

(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là đã được sửa đổi, bổ sung)

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỎ (LĨNH VỰC ĐIỆN): 02 TTHC

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	2.000543.000.00.00.H52	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	- Thông tư số 42/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện;
2	2.000526.000.00.00.H52	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng	- Quyết định số 67/QĐ-BCT ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ về lĩnh vực điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Phục lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Ban hành Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. LĨNH VỰC HOÁ CHẤT: 05 QUY TRÌNH

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hoá chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính: 10 ngày làm việc.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý công nghiệp	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	8,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; và văn bản liên quan	¼ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao Văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Giấy chứng nhận	¼ ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hành	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm PVHCC trả kết quả	Giấy chứng nhận	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính 12 ngày làm việc.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý công nghiệp	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	10,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; và văn bản liên quan	¼ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao Văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Giấy chứng nhận	¼ ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hành	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm PVHCC trả kết quả	Giấy chứng nhận	¼ ngày
	Tổng thời gian thực hiện			12 ngày

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hoá chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý công nghiệp thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	3,5 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; và văn bản liên quan	¼ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao Văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Giấy chứng nhận	¼ ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm PVHCC trả kết quả	Giấy chứng nhận	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

3. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hoá chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

a) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính: 10 ngày làm việc .

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý công nghiệp	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	8,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; và văn bản liên quan	¼ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao Văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Giấy chứng nhận	¼ ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hành	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm PVHCC trả kết quả	Giấy chứng nhận	¼ ngày
	Tổng thời gian thực hiện			10 ngày

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính 12 ngày làm việc

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Quản lý công nghiệp (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý công nghiệp	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	10,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; và văn bản liên quan	¼ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao Văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Giấy chứng nhận	¼ ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hành	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm PVHCC trả kết quả	Giấy chứng nhận	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				12 ngày

II. LĨNH VỰC ĐIỆN: 03 QUY TRÌNH

1. Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc.

ST T	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý năng lượng scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý năng lượng thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	3,5 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; và văn bản liên quan	¼ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao Văn thư lấy sổ, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Thẻ an toàn điện	¼ ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm PVHCC trả kết quả	Thẻ an toàn điện	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

2. Cấp lại thẻ an toàn điện

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý năng lượng scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý năng lượng thụ lý, xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	3,5 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; và văn bản liên quan	¼ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao Văn thư lấy sổ, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Thẻ an toàn điện	¼ ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm PVHCC trả kết quả	Thẻ an toàn điện	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

3. Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện

- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Quản lý năng lượng (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm PVHCC	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý năng lượng	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	3,5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; và văn bản liên quan	¼ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao Văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B4	Văn thư lưu sổ công văn và bàn giao bộ phận một cửa	Văn thư Sở	Thẻ an toàn điện	¼ ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hành	Công chức tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm PVHCC trả kết quả	Thẻ an toàn điện	¼ ngày
	Tổng thời gian thực hiện			05 ngày